

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 433/QĐ-CNNLPT ngày 15 tháng 07 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ)

Tên nghề: Kỹ thuật máy nông nghiệp

Mã nghề: 6520102

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm (25 tháng)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Cung cấp cho người học những năng lực để thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy nông nghiệp. Sau khi tốt nghiệp người học có kiến thức và kỹ năng để vận hành, sửa chữa và sử dụng thành thạo các loại máy nông nghiệp vào các khâu trong sản xuất như: Làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến nông sản thức ăn chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao.

Người học có đủ năng lực thích ứng với công việc thực tế, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức:*

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hiến pháp, pháp luật và đường lối phát triển kinh tế của Đảng.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản của các môn học cơ sở để làm cơ sở tiếp thu các môn học chuyên môn;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy thường dùng trong nông nghiệp;

+ Trình bày được công dụng, các bước tiến hành, tổ chức, cải tạo đồng ruộng bằng các loại máy thường dùng trong nông nghiệp;

+ Trình bày được phương pháp chẩn đoán tình trạng kỹ thuật của động cơ đốt trong, máy kéo bằng thiết bị chuyên dùng;

+ Tính toán lựa chọn máy xúc, máy ủi vào thi công công việc trên đồng ruộng đạt hiệu quả cao.

- *Kỹ năng:*

+ Vận hành thành thạo các loại liên hợp máy nông nghiệp vào các khâu canh tác trên đồng ruộng như: Làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, bảo quản chế biến, chăn nuôi;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ tháo, lắp và các thiết bị hỗ trợ thông thường để bảo dưỡng, điều chỉnh, sửa chữa các liên hợp máy nông nghiệp;

+ Làm thành thạo các công việc kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng, điều chỉnh, sửa chữa các hư hỏng các loại máy thường dùng trong nông nghiệp đạt được tình trạng kỹ thuật;

+ Sửa chữa được những hư hỏng của các loại máy thường dùng trong nông nghiệp: Máy kéo tay, máy kéo 4 bánh, các loại xe vận chuyển,...; các loại máy nông nghiệp thường được sử dụng như: Cày, phay, bừa, bơm nước, gặt, sây, ấp trứng gia cầm,...;

+ Điều khiển được các loại máy xúc, ủi vào thi công cải tạo đồng ruộng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

+ Khai thác và sử dụng được các dịch vụ máy nông nghiệp;

+ Xử lý được các tình huống phức tạp có thể xảy ra trong quá trình sản xuất;

+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; sáng tạo ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế, tự định hướng và đưa ra các kết luận liên quan đến nghề kỹ thuật máy nông nghiệp;

+ Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;

+ Có khả năng lập kế hoạch, điều phối và đánh giá các hoạt động trong lĩnh vực công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các nhà máy, doanh nghiệp sản xuất máy nông nghiệp.

- Làm cán bộ kỹ thuật hoặc thợ vận hành liên hợp máy nông nghiệp trong các trang trại, các hộ tư nhân;

- Có khả năng đảm nhiệm công việc tổ trưởng sản xuất trong nhà máy hoặc các nhà quản lý các trạm đội máy nông nghiệp

- Có khả năng tự tạo việc làm, học liên thông lên trình độ cao hơn.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 41

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 151 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 3090 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 1055 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2331 giờ, kiểm tra: 139 giờ

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/	Kiểm tra

					bài tập/ thảo luận	
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	131	3090	898	2076	116
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	34	585	336	193	36
MH 07	Cơ kỹ thuật	3	45	37	5	3
MH 08	Vẽ kỹ thuật	4	60	46	11	3
MH 09	Kỹ thuật điện	3	45	32	10	3
MH 10	Điện tử cơ bản	2	30	28		2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	24	4	2
MH 12	Vật liệu học	2	30	25	2	3
MH 13	An toàn lao động	2	30	25	3	2
MH 14	Thủy lực và máy thủy lực	3	45	36	6	3
MH 15	Nhiệt kỹ thuật	2	30	26	2	2
MH 16	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	3	45	40	2	3
MĐ 17	Thực hành Autocad	2	45	7	35	3
MĐ 18	Kỹ thuật nguội	3	75	11	61	3
MĐ 19	Kỹ thuật hàn cơ bản	2	45	6	37	2
MH 20	Tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp kinh doanh	1	30	13	15	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	97	2505	542	1883	80
MH 21	Động cơ máy nông nghiệp	4	60	45	12	3
MH 22	Lý thuyết máy kéo nông nghiệp	4	75	57	15	3
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ máy kéo	6	150	30	114	6
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực máy kéo	5	105	30	71	4

MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh và các bộ phận di chuyển máy kéo	4	105	25	74	6
MĐ 26	Bảo dưỡng động cơ điện	2	45	11	32	2
MĐ 27	Vận hành máy kéo nông nghiệp	4	90	17	69	4
MĐ 28	Kỹ thuật chẩn đoán, sửa chữa máy kéo	4	105	25	76	4
MĐ 29	Bảo dưỡng sửa chữa mô tô – xe máy	4	90	20	65	5
MĐ 30	Vận hành và bảo dưỡng liên hợp cày	4	105	26	75	4
MĐ 31	Vận hành và bảo dưỡng liên hợp phay	4	105	26	75	4
MĐ 32	Vận hành và bảo dưỡng liên hợp bừa	4	105	26	75	4
MĐ 33	Máy chăn nuôi	5	120	30	86	4
MĐ 34	Máy gieo trồng	4	90	19	68	3
MĐ 35	Máy chăm sóc cây trồng	4	120	12	104	4
MĐ 36	Máy thu hoạch lúa	4	105	12	90	3
MĐ 37	Máy chế biến nông sản	5	120	14	102	4
MĐ 38	Máy ấp trứng gia cầm	2	45	7	35	3
MĐ 39	Bảo dưỡng thiết bị công tác máy xúc ủi	5	120	30	86	4
MĐ 40	Kỹ thuật lái máy xúc, ủi thi công các công trình trong nông nghiệp	5	120	30	86	4
MĐ 41	Máy hái chè	2	45	10	33	2
MĐ 42	Thực tập tốt nghiệp	12	480	40	440	
	Tổng cộng	151	3525	1055	2331	139

4. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Áp dụng theo quy trình đào tạo và Quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp hiện hành của Nhà trường.